**TẬP 4**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 4 - Chủ đề**

| 1. **HỘI THOẠI 1** |
| --- |
| **#S1. Bên ngoài hành lang căn hộ chung cư**  - Hải Anh (em gái Hà): (두리번거리며) 2층 201호. 여기인가? Tầng 2, phòng 201 ở đây hay sao ấy nhỉ?  - Hayun: 해영아! 왔어? Hải Anh! Em đến rồi à?  - Hải Anh: 언니, 여기가 이사한 집이에요? 저도 이사하고 싶은데... Vâng. Chị Hayun ạ? Đây là nhà mới chuyển đến đấy ạ? Em cũng muốn được chuyển ra ngoài quá...  - Thanh Hà: (đột ngột xuất hiện) : 너? 넌 계속 기숙사에 있어!~ Em á? Ở ký túc xá đi.  - Hải Anh: 언니~~(집을 둘러보며) 근데 기숙사보다 더 좋다… 투룸이죠?  (Nhìn xung quanh và nói) Nhưng tốt hơn ký túc xá mà. Đây là phòng đôi chị nhỉ?  - Hayun : 응. 집을 소개해 줄게. 자 들어와. 방금 우리 이삿짐 정리가 모두 끝났어. Ùm. Chị sẽ giới thiệu nhà cho em nhé. Nào, vào đây đi. Bọn chị vừa mới sắp xếp dọn dẹp xong đống đồ đó.  여기는 현관. 그리고 여기는 주방, 여기는 화장실, 그리고 이쪽은 탄하 방, 이쪽은 나랑 미키가 쓰는 방.  Đây là sảnh trước nhà này. Và đây là bếp, đây là nhà vệ sinh, và chỗ này là phòng của chị Hà, Chỗ này là phòng của chị và Miki.  탄하 방은 밝아서 좋아, 그리고 나랑 미키가 쓰는 방은 넓어서 좋아.  Phòng của chị rất sáng nên thích lắm. Phòng của chị và Miki thì rộng nên cũng thích lắm.  **-** Hải Anh: 응? 탄하 언니의 방이 저기예요? Phòng của Chị Hà ở đằng kia á?  - **하윤:** 응 좋지? Ừ, đẹp đúng không?  - Hải Anh: 두 명이 살아도 충분하겠는데? Hai người ở cùng cũng thoải mái mà?  - 탄하: 너 꿈 꾸지마~ 엄마가 너는 기숙사에 있어야 한대~ Em đừng có mơ. Mẹ dặn em phải ở trong kí túc xá đó.  - Hải Anh: 알았어!~ 또 뭐가 좋아요? Em biết rồi. Vậy còn gì hay nữa không ạ?  - Miki: 무엇보다 통금 시간이 없어서 좋아~ Quan trọng là không có giờ giới nghiêm nên là thích ấy.  - Hải Anh: 우와~ 진짜 좋다!!! 이 집은 월세가 얼마야? Nhà này là tiền thuê theo tháng là bao nhiêu vậy chị?  - Hayun: 보증금 천만 원에 월세는 50만 원이야. 전기세, 수도세, 가스비, 관리비는 따로 내야 해.  Tiền cọc là 10 triệu won, tiền nhà hàng tháng là 500 ngàn won. Tiền điện, nước, ga, phí quản lý phải nộp riêng.  - Hải Anh: 다 합치면 비싸지 않아요? Nếu gộp chung hết lại thì cũng đắt đấy chứ ạ?  - Miki: 혼자 살면 부담이 크지만 셋이 같이 사니까, 부담이 크지 않아서 좋아. Nếu sống một mình cũng áp lực đấy. Nhưng mà vì 3 người sống chung nên cũng không bị áp lực lắm.  - Hải Anh:아 그렇구나. 기숙사보다 좋다. 나도 여기 살고 싶다. À, hóa ra là thế. Em thấy thích hơn ở ký túc xá. Em cũng thích sống ở đây.  - Thanh Hà: 응? 뭐라고? Cái gì? Em nói cái gì?  -Hải Anh: 아무것도 아니야. À không không, không có gì đâu ạ.  (딩동, 벨소리)  (Ting toong, tiếng chuông, Xuân Thu, Hoài Lan, Tuấn Anh xuất hiện)  - Tuấn Anh, Xuân Thu, Hoài Lan: 안녕하세요! Xin chào!  - Hải Anh: 어?? 어?? Tuấn anh! Thu! Lan! Ơ? Tuấn Anh, Thu, Lan.  - 3 bạn mới đồng thanh: 어? 해영? Ơ, Hải Anh à?  - Hải Anh: 왜 여기 있어? Sao các cậu lại ở đây?  - Xuân Thu: 우리 셋은 여기에 살아~ Ba bọn tớ đều sống ở đây.  - Tuấn Anh: 옆집에서 왔어요. Mình sống ở nhà bên cạnh.  - Hayun: 네 명은 친구사이예요? Bốn người là bạn của nhau à?  - Lan: 네! 우리 네 명은 친구예요. 어학원에 함께 다니고 있어요. 우리는 위층에 살아요. Vâng ạ. Bọn em là bạn ạ. Chúng em học ở trung tâm tiếng Hàn cùng nhau. Bọn em sống ở tầng trên.  - Thanh Hà: 저희는 새로 이사 왔어요. 저는 탄하예요. Bọn chị vừa mới chuyển đến. Chị là Thanh Hà.  - Hải Anh: 탄하는 우리 언니야~ Chị Hà là chị gái tớ đấy.  - Lan: 아, 그렇구나! À, ra là thế!  - Thanh Hà: 여기는 하윤이고 여기는 미키예요. Đây là Hayun, còn đây là Miki.  우리 세 명은 여기에서 같이 살아요. 나는 기숙사에서 살았는데 여기로 이사 왔어요. 기숙사보다 조용해서 좋아요. 3 bọn chị sống cùng nhau ở đây. Chị đã từng sống ở ký túc xá nhưng mà mới chuyển tới đây. Ở đây yên tĩnh hơn ký túc xá nên thích lắm.  - Lan: 이 집 근처에는 편의시설이 많아서 좋아요. 집 바로 앞에 24시간 편의점이 있어요.  Người mới 1: Ở gần đây có nhiều tiện ích sinh hoạt nên thích lắm ạ. Ngay trước nhà có cửa hàng tiện lợi nữa ạ.  - Thu: 정류장과 마트가 5분 거리에 있어요. 그리고 공원도 가까워서 좋아요. 맛있는 식당도 주변에 많아요.  Bến xe bus và siêu thị thì cách có 5 phút thôi. Và công viên thì cũng ở gần nên thích lắm. Xung quanh đây còn có nhiều nhà hàng ngon nữa chị ạ.  - Lan: 그리고 이 집의 5층은 옥상이에요. 옥상에 올라가면 경치도 좋고 바람이 시원해서 아주 좋아요.  Và ở tầng 5 có khoảng sân thượng. Lên sân thượng sẽ thấy quang cảnh rất đẹp và gió mát nữa, thích lắm.  - Tuấn Anh: 그런데 탄하 누나는 한국어를 잘 하네요. 한국어를 잘 해서 좋겠어요. Mà chị Hà tiếng Hàn giỏi thế. Tiếng Hàn giỏi thích thật ấy.  **-** Thanh Hà: 저는 한국에 오래 살아서 한국어가 이제 익숙해요. Chị sống ở Hàn Quốc lâu nên giờ cũng thành thạo tiếng Hàn rồi.  **-** Miki: 저는 한국에 온 지 일주일 됐어요. 어학당에 다니고 있어요. 아직은 한국 생활이 익숙하지 않아요. Còn chị mới đến Hàn Quốc được một tuần. Chị đang học ở trung tâm ngôn ngữ. Chị vẫn chưa quen được với cuộc sống ở Hàn Quốc.  - Tuấn Anh: 어? 우리도 어학당에 다니고 있어요. 그럼 우리는 함께 공부하는 친구네요?  Thu: Ớ, chúng em cũng đang học tiếng ở đó. Vậy hóa ra chị em mình lại học cùng nhau rồi.  **-** Miki: 그래요? 이제부터 친하게 지내요. Vậy à? Từ giờ bọn mình làm thân với nhau nhé  Hai bạn nhìn nhau cười toe toét, Tuấn Anh giơ tay bắt tay Miki, Miki cười bắt tay lại.  **-** Thanh Hà: 미키, 한국에 오자마자 새로운 친구가 생겨서 좋겠다.  Miki vừa tới Hàn Quốc đã có bạn mới luôn rồi. Thật là thích quá đi.  - Miki: 왜? 친구잖아. 친구! Làm sao? Là bạn mà. Bạn ý!  - Thanh Hà: 어머~~ 하나 보냈어. Ôi, ôi!!! Gả được một đứa đi rồi!  Mọi người xung quanh cũng khúc khích. |
| 1. **NHẬT KÝ** |
| 하노이에서 집 구하기.  Tìm nhà ở Việt Nam  유학중인 학교의 기숙사를 떠나, 집을 구해 이사가기로 했다.  Mình đã rời ký túc xá của trường mình đang du học rồi đi tìm nhà để chuyển.  한국 사람이 많이 모여 사는 한인타운 주변에 집을 알아봤다.  Mình đã tìm hiểu những nhà ở quanh khu Hàn Quốc - nơi tập trung nhiều người Hàn Quốc sinh sống.  하지만 한인타운 주변의 집들은 월세가 너무 높았다.  Nhưng mà giá thuê nhà quanh khu đó lại quá cao.  혼자 살기에는 월세 부담이 컸다.  Sống một mình thì quá áp lực vì tiền thuê nhà.  그래서 주변의 한국인 유학생들 중, 룸메이트를 찾아 보기로 했다.  Vậy nên mình đã quyết định tìm bạn sống cùng trong số những du học sinh người Hàn Quốc mà mình biết.  두 명이 함께 살면 월세 부담과 외국 생활의 외로움이 줄어들어서 좋을 것이라고 생각했기 때문이다.  Bởi vì mình nghĩ rằng nếu có 2 người sống cùng nhau thì áp lực tiền nhà và sự cô đơn nơi đất khách sẽ được sẻ chia nên mình nghĩ là sẽ rất tốt.  한국인 유학생들이 모여 있는 인터넷 카페에 룸메이트를 찾는 글을 올렸다.  Mình đã đăng bài viết tìm người sống cùng trên trang mạng nơi tập trung nhiều du học sinh người Hàn Quốc.  생각보다 빨리 연락이 왔다. 나와 같은 생각으로 룸메이트를 찾는 사람이 있었다.  Mọi người liên hệ nhanh hơn mình nghĩ. Hóa ra cũng có nhiều người tìm người sống cùng.  우리는 함께 집을 보러 다녔다.  Chúng mình đã cùng đi xem nhà.  방 2개가 있는 주택이나 아파트를 알아보기로 했다.  Bọn mình quyết định sẽ đi xem nhà có hai phòng dạng Studio hoặc là chung cư.  주택이 아파트보다 월세가 싸서 좋기는 했지만, 주차장이 불편했다.  Nhà riêng thì rẻ hơn chung cư nhưng mà chỗ đỗ xe thì hơi bất tiện.  베트남에서는 오토바이가 생활 필수품이라서, 편리한 주차장이 있는 아파트를 선택하기로 했다.  Ở Việt Nam, xe máy là vật dụng không thể thiếu nên mình đã quyết định chọn chung cư có chỗ đỗ xe thuận tiện.  풀옵션 아파트는 월세가 더 높았다. 우리는 유학생. 집에서는 잠만 자면 되기 때문에  굳이 풀옵션 아파트를 선택할 필요가 없다. 꼭 필요한 가전제품만 사기로 했다. 냉장고와 세탁기만 사면 된다.  Căn hộ đầy đủ tiện nghi thì giá cao hơn. Mình là du học sinh, chỉ có ở nhà lúc ngủ thôi nên cũng không cần thiết phải chọn căn chung cư đầy đủ mọi tiện ích. Mình đã quyết định chỉ mua những đồ điện tử cần thiết nhất. Chỉ cần mua tủ lạnh và máy giặt là được rồi.  부동산 사무실에서 월세 계약을 했다.  Mình đã làm hợp đồng thuê nhà theo tháng ở văn phòng bất động sản.  베트남 월세의 특징은, 3달치의 월세를 한 번에 선납하는 조건이다. 그리고 1달치의 월세를 보증금으로 낸다.  Thuê nhà ở Việt Nam thì có điểm chung là nộp trước 1 lần 3 tháng tiền nhà và tiền cọc là 1 tháng.  또 외국인이 이사를 할 경우 지역 공안 사무실에 거주 등록을 해야 한다고 한다.  Thêm nữa thấy bảo là khi người nước ngoài chuyển nhà thì cần phải đăng ký tạm trú ở công an phường.  외국인 등록은 부동산 사무실에서 해 주기로 했다.  Đăng ký cho người nước ngoài thì văn phòng bất động sản sẽ làm cho mình.  새로 이사한 집은 20층에 있는 작은 아파트다. 방은 두 개 화장실은 한 개. 두 명이 살기에 딱 좋은 크기였다.  Nhà mà mình mới chuyển đến là một căn chung cư nhỏ ở tầng 20. Có hai phòng ngủ, 1 nhà vệ sinh, diện tích vừa đủ để cho hai người cùng sống.  한인타운에서 가깝고 하노이 시내가 잘 보이며 주변에 여러 가지 편의시설이 많이 있다.  학교와 공항도 쉽게 갈 수 있다.  Nhà rất gần khu làng Hàn Quốc và lại nhìn thấy khá rõ khu vực trung tâm, xung quanh cũng có nhiều tiện ích. Dễ dàng di chuyển tới trường học và sân bay.  조금은 불편했던 기숙사를 떠나, 자유롭게 살 수 있어서 기분이 좋았다.  Chuyển đi khỏi khu ký túc xá bất tiện và có thể sống một cách thoải mái tự do thật là thích  한편으로는 기숙사에서 만났던 많은 친구들과 헤어지게 되어서 아쉽기도 했다.  Một mặt thì mình cũng rất nuối tiếc phải chia tay bạn bè mà mình đã gặp ở KTX.  하지만 새로운 룸메이트가 생겼으니까, 앞으로 재미있는 일이 더 많을 것으로 기대한다.  Nhưng mà vì có bạn ở cùng mới nên mình cũng hy vọng những ngày sắp tới sẽ có nhiều chuyện thú vị. |